

Ninh Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán**  
**Chi ngân sách nhà nước năm 2021**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM**

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo 286/TB-SLĐTB&XH ngày 24/02/2022 của Sở lao động Thương binh và Xã hội về việc xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021; Xét đề nghị của bộ phận kế toán về việc công bố công khai số liệu quyết toán nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 của Trung tâm.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ việc làm.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).*

**Điều 2:** Giao cho phòng Tổ chức hành chính tổng hợp thực hiện.

**Điều 3:** Ban lãnh đạo Trung tâm, phòng Tư vấn giới thiệu việc làm - hành chính tổng hợp và các phòng nghiệp vụ có liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Sở tài chính;
- Sở LĐTBXH;
- Lưu VT, KT.



**GIÁM ĐỐC**

**Lã Thanh Tùng**

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 117/QĐ- DVVL ngày 22/03/2022 của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Ninh Bình)  
 DVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
<b>A</b>	<b>Dự toán thu, chi từ nguồn thu khác được để lại</b>	<b>7.638.000</b>	<b>7.638.000</b>		
<b>I</b>	<b>Số thu từ nguồn khác được để lại</b>	<b>7.638.000</b>	<b>7.638.000</b>		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu khác được để lại</b>	<b>3.623.953.000</b>	<b>3.623.953.000</b>	0	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>3.623.953.000</b>	<b>3.623.953.000</b>		
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>3.623.953.000</b>	<b>3.623.953.000</b>	0	
<b>1</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	<b>1.738.206.000</b>	<b>1.738.206.000</b>		
<b>1,1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>1.398.166.896</b>	<b>1.398.166.896</b>		
*	<b>Chi cho con người</b>	1.069.967.366	1.069.967.366		
-	Tiền lương	68.122.040	68.122.040		
	Phụ cấp lương	260.077.490	260.077.490		
	Chi khoản đóng góp	<b>340.039.104</b>	<b>340.039.104</b>		
*	<b>Chi quản lý hành chính</b>	93.770.000	93.770.000		
-	Phúc lợi tập thể	20.975.204	20.975.204		
-	Thanh toán dịch vụ công cộng	72.150.000	72.150.000		
-	Vật tư văn phòng	7.343.900	7.343.900		
-	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	72.000.000	72.000.000		
-	Công tác phí	42.000.000	42.000.000		
-	Chi phí thuê mướn	10.000.000	10.000.000		
-	Sửa chữa, duy tu tài sản	0	0		
-	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	3.600.000	3.600.000		
-	Mua sắm tài sản vô hình	18.200.000	18.200.000		
-	Chi khác	<b>1.885.747.000</b>	<b>1.885.747.000</b>		
<b>1,2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>53.793.000</b>	<b>53.793.000</b>		
-	Dịch vụ công cộng	52.765.000	52.765.000		
-	Vật tư văn phòng	66.620.000	66.620.000		
-	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	118.700.000	118.700.000		
-	Hội nghị	0	0		
-	Chi phí thuê mướn	1.087.049.000	1.087.049.000		
-	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ chuyên môn	54.000.000	54.000.000		
-	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	392.420.000	392.420.000		
-	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	59.000.000	59.000.000		
-	Mua sắm tài sản vô hình	1.400.000	1.400.000		
-	Chi khác				

Ngày 22 tháng 03 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



GIÁM ĐỐC

Lã Thanh Hùng